

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM KHÊ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 23-02-2022  
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thu Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vũ Mạnh Cường  
2. Bà Nguyễn Thị Sâm

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn H Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST – HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Khu C, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

(Chị N xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Khu C, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1, Tại đơn khởi kiện ngày 18/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Chị và anh Trần Văn H kết hôn trên*

cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2018 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại xã T. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 5 năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh H đi làm ăn ở Hà Nội có quan hệ với người phụ nữ khác nên không về nhà, chị và gia đình đã nhiều lần nức nạo kéo anh H quay về nhưng không được. Vợ chồng ly thân từ tháng 5/2021 đến nay không ai quan tâm đến ai, nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết chị được cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Trần Gia B, sinh ngày 04/6/2017 và Trần Yến N, sinh ngày 26/11/2018. Hiện nay 02 con chung ở cùng anh H và bố mẹ đẻ anh H. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Yến N và nhất trí giao cháu Trần Gia B cho anh H được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị N không yêu cầu giải quyết.

2, *Tại bản tự khai ngày 24/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn H trình bày:* Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị N trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đi làm ăn ở Hà Nội ít về nhà nên vợ chồng có mâu thuẫn cãi nhau. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh cũng thiện chí hoà giải với chị N nhiều lần nhưng không thành. Nay chị N xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Trần Gia B, sinh ngày 04/6/2017 và Trần Yến N, sinh ngày 26/11/2018. Hiện 02 con chung ở cùng anh và bố mẹ đẻ anh. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Gia B và nhất trí giao cháu Trần Yến N cho chị N được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh H không yêu cầu giải quyết.

3, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã T ngày 29/12/2021 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2018 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với bố mẹ anh H tại khu C, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng với nhau về lối sống, không tin tưởng nhau dẫn đến tranh cãi bất hòa. Hiện nay anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Anh chị có hai con chung là cháu Trần Gia B, sinh ngày 04/6/2017 và Trần Yến N, sinh ngày

26/11/2018. Hiện 02 con chung ở cùng anh H. Nay chị N xin ly hôn anh H, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh H để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người phụ nữ.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn anh Trần Văn H.
2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp nuôi con chung là Trần Yến N, sinh ngày 26/11/2018, anh Trần Văn H trực tiếp nuôi con chung là Trần Gia B, sinh ngày 04/6/2017. Chị N và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khu C, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị N có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh H Tòa án đã gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn

cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị N và anh H là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 17/12/2018 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị N cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại xã T, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 5 năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh H đi làm ăn ở Hà Nội có quan hệ với người phụ nữ khác nên không về nhà, chị và gia đình đã nhiều lần nức nạo kéo anh H quay về nhưng không được. Vợ chồng ly thân từ tháng 5/2021 đến nay không ai quan tâm đến ai, nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H. Phía anh H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đi làm ăn ở Hà Nội ít về nhà nên vợ chồng có mâu thuẫn cãi nhau. Chị N xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi anh H đến Tòa án để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng của anh chị, mặc dù đã nhận được các giấy báo của Tòa án nhưng anh không đến Tòa án để làm việc. Ngày 29/12/2021 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh tại UBND xã T về quan hệ hôn nhân của chị N và anh H được đại diện chính quyền địa phương cung cấp hiện nay chị N anh H đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh H để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người phụ nữ. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị N và anh H đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị N được ly hôn anh H là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Trần Gia B, sinh ngày 04/6/2017 và Trần Yến N, sinh ngày 26/11/2018. Quá trình giải quyết vụ án anh chị thỏa thuận trường hợp vợ chồng ly hôn thì chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Sự thỏa thuận của anh chị phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị N, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn anh Trần Văn H.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Trần Yến N, sinh ngày 26/11/2018 cho Chị Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung ch<sup>ư</sup>a thành niên là Trần Gia B, sinh ngày 04/6/2017 cho anh Trần Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị N, anh H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị N, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0007724 ngày 26/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Lưu HS+ VP;

**Đinh Thị Thu Huyền**